TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2026
V/v: Kiện ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.

Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án, Toà án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc "*Kiện ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H T Byă, sinh năm 1984. Nơi thường trú: Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Y K M Byă, sinh năm 1982. Nơi thường trú: Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Buôn K B, xã E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H T Byă trình bày:* Tôi và ông Y K M Byă chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2002, đến năm 2012 thì mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã K B, huyện K P, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông Y K M Byă thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Tôi đã khuyên can nhiều lần nhưng không thay đổi, đến năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, ông Y K M Byă đã về nhà bố mẹ đẻ tại Buôn K B, xã E, tỉnh Đắk Lắk sinh sống cho đến nay.

Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Y K M Byă.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai con chung là Y Đ Byă, sinh ngày 07/02/2002 và H Z L Byă, sinh năm 22/8/2007. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Y K M Byă đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk*:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn và vi phạm nghĩa vụ tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H T Byă; Về quan hệ hôn nhân: Bà H T Byă được ly hôn với ông Y K M Byă; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Bà H T Byă không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của bà H T Byă đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông Y K M Byă là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H T Byă và ông Y K M Byă chung sống với nhau từ năm 2002. Đến năm 2012, ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K B, huyện K P, tỉnh Đắk Lắk(nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95 ngày 13/7/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của bà H T Byă thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Y K M Byă thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019.

Nay bà H T Byă xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Y K M Byă. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Y K M Byă nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, quá trình chung sống vợ chồng bà H T Byă và ông Y K M Byă có mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài; mục đích của hôn nhân không đạt được; bà H T Byă và ông Y K M Byă đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H T Byă, cho bà H T Byă được ly hôn với ông Y K M Byă.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà H T Byă và ông Y K M Byă có hai con chung là Y Đ Byă, sinh ngày 07/02/2002 và H Z L Byă, sinh năm 22/8/2007. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Bà H T Byă không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà H T Byă phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H T Byă.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H T Byă được ly hôn với ông Y K M Byă.

- Về con chung: Bà H T Byă và ông Y K M Byă có hai con chung là Y Đ Byă, sinh ngày 07/02/2002 và H Z L Byă, sinh năm 22/8/2007. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà H T Byă không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà H T Byă phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002531 ngày 12/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lưu Thị Ngọc Thủy

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan **LÝ Viết Chấn** **Lưu Thị Ngọc Thủy**